

TRUYỆN KIỀU VÀ HÁT ĐỐI ĐÁP TRONG DÂN CA VIỆT NAM

La Mai Thi Gia^{a*}

^aKhoa Văn học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Email: thigialm@hcmussh.edu.vn

Lịch sử bài báo

Nhận ngày 10 tháng 12 năm 2020 | Chấp nhận đăng ngày 28 tháng 12 năm 2020

Xuất bản trực tuyến ngày 16 tháng 4 năm 2021

Tóm tắt

Qua nội dung của các câu ca dao sưu tập được, chúng tôi nhận thấy “Truyện Kiều” đóng nhiều vai trò quan trọng trong các cuộc hát đối đáp giao duyên. Thứ nhất nội dung cốt truyện được sử dụng như là một chất liệu chính trong các cuộc hát. Thứ hai, hệ thống nhân vật trong “Truyện Kiều” thường được nam nữ trong các cuộc hát chọn để đóng vai, nhằm bày tỏ hoàn cảnh, tính cách, tâm trạng, tình cảm... của mình một cách ngắn gọn, không cần chi tiết mà đều khiến cho đối phương và toàn bộ người nghe hiểu ngay, ở đây các nhân vật “Truyện Kiều” được sử dụng như là những điển tích, điển cố trong cuộc hát. Và thứ ba, cũng là khía cạnh thú vị nhất của mục đích sử dụng “Truyện Kiều” trong hát đối đáp: các tình tiết, nội dung, nhân vật trong “Truyện Kiều” được dùng để hai bên thử tài nhau qua việc đặt câu hỏi xem đối phương có nhớ, có thuộc lòng “Truyện Kiều” hay không, có biết sử dụng Kiều một cách uyển chuyển trong việc ứng đối hay không?

Từ khóa: Dân ca; Hát đối đáp; Thử tài; Truyện Kiều; Ứng đối.

DOI: [http://dx.doi.org/10.37569/DalatUniversity.11.2.798\(2021\)](http://dx.doi.org/10.37569/DalatUniversity.11.2.798(2021))

Loại bài báo: Bài báo nghiên cứu gốc có bình duyệt

Bản quyền © 2021 (Các) Tác giả.

Cấp phép: Bài báo này được cấp phép theo CC BY-NC 4.0

***THE TALE OF KIEU* AND LOVE SONGS IN VIETNAMESE FOLK SONGS**

La Mai Thi Gia^{a*}

*^aThe Faculty of Literature, University of Social Sciences and Humanities,
Vietnam National University Ho Chi Minh City, Ho Chi Minh City, Vietnam*

**Corresponding author: Email: thigialm@hcmussh.edu.vn*

Article history

Received: December 10th, 2020 | Accepted: December 28th, 2020

Available online: April 16th, 2021

Abstract

From collected folk songs, we learn that “The Tale of Kieu” plays many important roles in “challenge and response” singing and love match songs. First, the plot is used as the main material in the songs. Second, the characters in “The Tale of Kieu” are often chosen by men and women in singing to briefly express their circumstances, personalities, moods, emotions, etc., in a way that is easy for all listeners to immediately understand. In this case, the characters of “The Tale of Kieu” are used as classical references in the songs. And third, which is also the most interesting aspect of the purpose of using “The Tale of Kieu” in response singing, the details, content, and characters in “The Tale of Kieu” are used for the two sides to test each other to see if the other person remembers, has memorized “The Tale of Kieu” or not, or knows how to use “The Tale of Kieu” in a flexible way.

Keywords: Challenge and response singing; Challenging; Folk songs; *The Tale of Kieu*; Reciprocal.

DOI: [http://dx.doi.org/10.37569/DalatUniversity.11.2.798\(2021\)](http://dx.doi.org/10.37569/DalatUniversity.11.2.798(2021))

Article type: (peer-reviewed) Full-length research article

Copyright © 2021 The author(s).

Licensing: This article is licensed under a CC BY-NC 4.0

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chất dân gian trong *Truyện Kiều*, yếu tố dân gian trong *Truyện Kiều*, âm hưởng dân gian trong *Truyện Kiều*, ảnh hưởng của ca dao trong *Truyện Kiều*... là những khía cạnh rất được các nhà nghiên cứu quan tâm khi đặt vấn đề: Nguyễn Du đã học được gì ở dân gian khi nhà thơ chọn sử dụng thể thơ lục bát truyền thống và hệ thống biểu tượng nghệ thuật phong phú của ca dao Việt Nam trong sáng tác *Truyện Kiều*? Ngược lại, sức sống lâu bền luôn luôn sinh động, luôn luôn là một mảnh đất nhiều tiềm năng để khám phá của *Truyện Kiều* cũng nhờ một phần lớn do sự bồi đắp của dân gian “hậu *Truyện Kiều*”. Dân gian đi vào *Truyện Kiều* và *Truyện Kiều* bước vào dân gian ngay sau đó và mãi mãi sau đó đã tạo nên sức sống mãnh liệt của tập đại thành này trong lòng quần chúng nhân dân.

Vấn đề *Truyện Kiều* đi vào dân gian như thế nào cũng đã được giới thiệu ở nhiều hình thức khác nhau như trong các sinh hoạt bình Kiều, vịnh Kiều, đố Kiều, tập Kiều, lầy Kiều... Chưa kể sự biểu hiện sinh động và thú vị của toàn bộ 3254 câu Kiều, của các nhân vật trong *Truyện Kiều* đã trở thành chất liệu chính cho những cuộc sinh hoạt ca hát đối đáp trong các hội hè đình đám của nhân dân lao động như hát trống quân, hát giặm, hát ví... Đặc biệt trong những cuộc hát giao duyên nam nữ, nội dung *Truyện Kiều* luôn được dùng để hỏi-đáp, nhằm thử tài, thử trí thông minh, thử kiến thức của đối phương. Điều này đã cho thấy rằng, *Truyện Kiều* được neo giữ trong trí nhớ dân gian không chỉ thể hiện ở việc vì thuộc Kiều, nhớ Kiều mà dân gian bình Kiều, vịnh Kiều, tập Kiều. Mà quan trọng hơn là dân gian đã biến Kiều trở thành một chất liệu không thể thiếu được trong khi tiếp tục sáng tạo nên dòng văn học truyền thống của mình, dân gian sử dụng Kiều một cách nhuần nhuyễn và đầy sáng tạo, ứng dụng Kiều vào trong những đề tài khác nhau trong cuộc hát.

Để thực hiện bài viết này, chúng tôi tập hợp được khoảng gần 100 câu ca dao có chủ đề tình yêu nam nữ và nội dung của những câu ca dao này đều nhắc đến tên các nhân vật hay các tình tiết trong *Truyện Kiều*. Trong gần 100 câu này có những câu ca dao chỉ có một vế nhằm biểu đạt tâm trạng riêng của chủ thể trữ tình, và đa số là những cặp ca dao có nội dung đối đáp gồm hai vế của người nam và người nữ thể hiện ở nhiều dạng thức khác nhau như đố-đáp, hỏi-đáp, đối-đáp... Qua nội dung của các câu ca dao sưu tập được, chúng tôi nhận thấy *Truyện Kiều* đóng nhiều vai trò quan trọng trong các cuộc hát đối đáp giao duyên. Thứ nhất nội dung cốt truyện được sử dụng như là một chất liệu chính trong các cuộc hát. Thứ hai, hệ thống nhân vật trong *Truyện Kiều* thường được nam nữ trong các cuộc hát chọn để đóng vai, nhằm bày tỏ hoàn cảnh, tính cách, tâm trạng, tình cảm... của mình một cách ngắn gọn, không cần chi tiết mà đều khiến cho đối phương và toàn bộ người nghe hiểu ngay, ở đây các nhân vật *Truyện Kiều* được sử dụng như là những điển tích, điển cố trong cuộc hát. Và thứ ba, cũng là khía cạnh thú vị nhất của mục đích sử dụng *Truyện Kiều* trong hát đối đáp: các tình tiết, nội dung, nhân vật trong *Truyện Kiều* được dùng để hai bên thử tài nhau qua việc đặt câu hỏi xem đối phương có nhớ, có thuộc lòng *Truyện Kiều* hay không, có biết sử dụng Kiều một cách uyển chuyển trong việc ứng đối hay không?

2. VAI TRÒ CỦA *TRUYỆN KIỀU* TRONG HÁT ĐỐI ĐÁP

2.1. *Truyện Kiều* như là một chất liệu chính trong các cuộc hát đối đáp

Khắp tất cả các vùng miền của đất nước, hát đối đáp có nhiều tên gọi khác nhau như đối ca nam nữ, hát đối, hò đối, hát giao duyên, hát ví, hát giặm, hát huê tình, hát nhân ngãi, hò đối đáp, hò giã gạo, hò xay lúa... Hát đối đáp là hình thức hát có hỏi có đáp, có đố có trả lời, có buông và bắt, có gài và gỡ, có... làm khó đối phương, dồn bạn hát vào thế bí để thử tài ứng đối. Hát đối đáp nam nữ là hình thức hát bắt buộc phải có bên nam bên nữ và nội dung xoay quanh chủ đề huê tình nhằm để giao duyên, trao đổi tình cảm.

Căn cứ vào tiến trình cuộc hát, nhìn chung dân ca đối đáp bao gồm các dạng thức sau: 1) Dạng thức hát mở đầu có các chặng hát dạo, hát chào mừng, hát hỏi thăm, hát giao hẹn, hát mời; 2) Dạng thức hát thử tài có các chặng hát đố, hát đối, hát họa, hát đăm bắt; 3) Dạng thức hát xe kết có hát thương nhớ, hát thư, hát thề, hát ước, hát than trách, hát cưới; 4) Dạng thức hát kết thúc có hát về kỷ vật, hát giã biệt.

Trong những cuộc hát kéo dài, khi khả năng ứng tác và nguồn chất liệu tự sáng tạo bị cạn kiệt, các đôi nam nữ thường sử dụng các chất liệu có sẵn trong văn học truyền thống và đa số là nội dung các truyện thơ Nôm cả dân gian lẫn bác học. Đó là những truyện thơ Nôm có chủ đề giai nhân tài tử, bao trùm là tình yêu giữa hai nhân vật chính với các trường đoạn gây cản: gặp gỡ, tai biến, chia ly, đoàn viên rất phù hợp với diễn biến của cuộc hát huê tình. Theo dõi nội dung của các cuộc hát đối đáp được ghi lại trong các bộ sưu tập ca dao dân ca Việt Nam, có thể thấy nổi bật là người hát đối sử dụng các tình tiết và nhân vật trong truyện thơ Nôm bác học do các trí thức Nho học sáng tác. Có lẽ do nội dung của chúng thường phản ánh chủ đề giải phóng tình cảm, đấu tranh cho tự do yêu đương, khẳng định tài năng và phẩm hạnh của cặp đôi nhân vật chính như *Truyện Kiều*, *Hoa Tiên*, *Phan Trần*, *Sơ kính tân trang*, *Lục Vân Tiên*... Và kể cả truyện thơ Nôm tài tử giai nhân vay mượn của Trung Quốc (như: *Song Tinh Bất Dạ*, *Hoa tiên*, *Kim Vân Kiều*, *Ngọc Kiều Lê*, *Nhị độ mai*, *Hảo cầu tân truyện*...) cũng được trai gái trong cuộc hát giao duyên lựa chọn sử dụng rất nhiều. Những trường đoạn chính trong các truyện thơ Nôm như gặp gỡ, hẹn ước, ly biệt, đoàn viên cũng thường được chọn làm kết cấu xuyên suốt của cuộc hát. Nếu như trong truyện các cặp đôi tài tử giai nhân vô tình gặp gỡ và rung động, cảm mến tài sắc của nhau rồi buông lời hẹn ước thì chặng đầu của cuộc hát đối cũng diễn ra như vậy. Đến chặng giữa, khi đôi bên đã khẳng định tình ý dành cho nhau và hứa hẹn một tình yêu nên thơ dẫn đến hôn nhân thì nam nữ bắt đầu hát đến những khó khăn trở ngại khách quan và chủ quan như vì môn đăng hộ đối, vì lễ giáo phong kiến, vì xa xôi cách trở, vì hoàn cảnh nghèo hèn... Lúc này các cặp đôi cũng tiếp tục mượn nội dung của truyện thơ Nôm để giải bày hoàn cảnh của mình. Kết thúc cuộc hát bao giờ cũng là lòng tin tưởng ở mai sau, hứa hẹn sẽ cùng nhau gặp lại hoặc để tiếp tục hát ca, hoặc để nên duyên chồng vợ, vui hưởng hạnh phúc lứa đôi...

Cũng như các truyện thơ Nôm bác học khác, *Truyện Kiều* được sử dụng như là một chất liệu không thể thiếu trong đa số các cuộc hát đối đáp. Cho nên trong phần hát mời (nam nữ mời nhau bắt đầu cuộc hát), bên cạnh những câu hát hỏi thăm, chào mời,

thường có những câu quy định về thể lệ hát, quy định về tình thái, nội dung câu hát và cả hình thức hát. Và trong lời giao hẹn đó, cùng với các truyện thơ Nôm khác như *Nhị độ Mai*, *Phan Trần*, ta thấy *Truyện Kiều* cũng hay được nhắc đến và quy định sử dụng Kiều như thế nào là do tính chất của mỗi cuộc hát mà người chơi đưa ra thể lệ:

*Thoạt đầu em cấm hát chua.
Cấm đố, cấm hỏi, được thua mới tài
Cấm từ truyện Nhị độ mai
Phan Trần, Kiều lấy không ai hỏi gì.*
(T. Nguyễn, 2015)

*Hát thì một đối với hai
Còn như bắc bực khoe tài để sau
Lý Công cấm hát một câu
Phan Trần, Kiều lấy cấm kể từ đầu đến đuôi*
(T. Nguyễn, 2015)

*Truyện Kiều cấm kể một câu
Phan Trần cấm kể từ đầu chí đuôi
Cấm trống thì cấm cả dùi,
Cấm cả người báo người xui bên ngoài.
Cấm không được lấy Nhị Độ Mai,
Phan Trần, Kiều nấy một vài ba câu*
(T. Nguyễn, 2015)

Cũng trong câu hát mở đầu có nội dung chào mừng quan khách tham dự và bạn hát, không ít chàng trai cô gái là thủ lĩnh cuộc hát thường tự nhận mình là Kim Trọng, hay Thúy Kiều để xưng hô với tất cả mọi người, cách xưng hô bắt đầu bằng cách nhập vai như thế này phần nào đã cho người nghe hình dung được nội dung cuộc hát tiếp theo sẽ dựa theo truyện thơ Nôm này là chất liệu chính rồi:

*Ở nhà bọn bả ra đi
Áo chưa kịp bận nút khuya chưa gài
Tới đây chẳng biết là ai
Lớn hơn cũng bọn, ngang vai cũng nhiều
Mở lời chào ông Lý, ông Nhiêu
Chào ai Kim Trọng, Thúy Kiều em chào luôn*
(T. Nguyễn, 2015)

Nếu lời chào từ phía bên nam thì sẽ là:

*Gặp đây xin hỏi Thuý Kiều
Có thương Kim Trọng ít nhiều chi không?*
(Phạm, 2007)

*Bây giờ tôi mới gặp mình
Khác gì Kim Trọng, thanh minh gặp Kiều*
(Nguyễn, 2001a)

Mối lương duyên hội ngộ của các nhân vật trong *Truyện Kiều* hay các truyện thơ Nôm khác cũng thường được sử dụng để dẫn dắt cuộc hát đối, thay cho lời chào mời của hai bên nam nữ dành cho nhau và dành cho quan khách:

*Mấy khi chàng Từ Thức gặp tiên
Mười lăm năm Kim Trọng kết nguyên Thuý Vân
Cúc Hoa gặp được Tống Trân
Phan Sinh kỳ ngộ Kiều Lân chốn này*
(Phạm, 2007)

Hay

*Kể từ ngày xa cách người thương
Về nhà đài sen nói sáo, đọc mấy chương phong tình
Đọc tới đoạn Thuý Kiều xa gã Kim sinh
Thôi Oanh Oanh xa Trương Quân Thụy nghĩ tội cho tình biết
chùng mô*
(Nguyễn, 2001a)

Bằng cách sử dụng các điển tích điển cố là những nhân vật, tình tiết trong truyện thơ Nôm bác học, nam nữ tham gia hát đối phần nào đã chứng tỏ được tầm hiểu biết, tri thức của mình, đặc biệt đối với tập đại thành *Truyện Kiều* của Nguyễn Du. Muốn chứng tỏ mình là người sang trọng, có ăn học, có đọc sách thì trai gái không thể nào không thuộc lòng các tình tiết và diễn biến của câu chuyện trong *Kiều*, đặc biệt là những sự kiện quan trọng gắn liền với cuộc gặp gỡ giữa *Kiều* với những người đàn ông trong đời nàng là *Kim Trọng*, *Thúc Sinh* và *Từ Hải*. Về vấn đề nhất định phải thuộc *Kiều*, hiểu *Kiều* và biết tập *Kiều*, lấy *Kiều* để chứng tỏ trình độ thì trong ca dao cũng có không ít câu nhắc đến điều này. Lúc này việc ngâm nga vài câu *Kiều* trong lúc “khi xem hoa nở, khi chờ trăng lên” được xếp ngang với những thú chơi phong lưu của tầng lớp quý tộc, là tầng lớp vừa có học vị cao vừa có đời sống tinh thần phong phú. Như phải biết uống hoàng hoa tửu là một loại rượu chưng cất từ hoa cúc, một loại rượu rất quý chỉ dành cho

các bậc phong lưu có tiền của và biết hưởng thụ, hay phải biết uống trà ướp hoa lan thơm ngát mát lành và đắt giá:

Rượu cúc sánh với trà lan

Khi xem hoa nở, khi than Thúy Kiều

(Nguyễn, 2001b)

Nếu rượu cúc trà lan chỉ dành cho thành phần quý tộc phong lưu thì thú vui ngâm Kiều lại phù hợp với tất cả tầng lớp nhân dân, cả giới bình dân dù thậm chí không biết chữ thì cũng không có ai mà không thuộc vài câu Kiều được nghe qua truyền miệng. Thế thơ lục bát cùng những hình ảnh biểu tượng gần gũi với ca dao trong *Truyện Kiều* đã khiến cho Kiều không phải trở thành là một cái gì đó cao xa khó với đối với giới lao động bình dân. Thế nên trong những thú vui dân dã của những con người dân dã như đánh tổ tôm, uống chè mạn, nhất định cũng phải có thú vui nằm trên võng đong đưa ngâm ngợi những câu Kiều trong những đêm trăng sáng:

Làm trai biết đánh tổ tôm

Uống chè mạn hảo, ngâm nôm Thúy Kiều

(Nguyễn, 2001b)

Và bởi thế nên trong ca dao Việt Nam còn có câu ca dao khẳng định giá trị quan trọng, gần gũi và không thể thiếu được đối với mỗi người trong cuộc sống, đó là:

Người ta có một cái môn,

Trời sinh ra để ngâm Nôm Thúy Kiều

(La, 2020)

2.2. Hóa thân thành các nhân vật trong *Truyện Kiều* để biểu đạt tâm tình

Một cách sử dụng chất liệu truyện thơ Nôm trong hát đối đáp là “vào vai”, nam nữ trong cuộc hát thường tự ví mình như là các cặp đôi tài tử giai nhân trong các truyện thơ Nôm ngôn tình của Việt Nam và cả trong văn chương bác học của Trung Quốc. Nữ thì ví mình như Thúy Kiều, Thúy Vân, Kiều Nguyệt Nga, Thoại Khanh, Cúc Hoa hay Điều Thuyền, Phàn Lê Huê, Thôi Oanh Oanh, Văn Quân... Nam thì ví mình như Kim Trọng, Thúc Sinh, Từ Hải, Lục Vân Tiên, Châu Tuấn, Phạm Công hay Lữ Bố, Tiết Đinh San, Trương Quân Thụy, Trương Như... Điểm chung của các cặp đôi nhân vật được chọn để vào vai thường là những cặp đôi trai tài gái sắc, xứng lứa vừa đôi, môn đăng hộ đối và yêu nhau tha thiết, sẵn sàng hy sinh thân xác vì nhau. Tuy nhiên giữa họ luôn là một mối tình trắc trở, trái ngang mà buộc phải chia xa hoặc là vì quốc biên, hoặc là vì gia biến, hoặc là vì kẻ xấu có quyền lực cao tranh giành người đẹp...

Trong hình thức đối đáp “vào vai” này, chúng tôi sưu tập được 30 câu ca dao sử dụng hình ảnh các nhân vật trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, đa số là tương quan

Thúy Kiều-Kim Trọng, có một câu Thúy Vân-Kim Trọng, một câu Thúy Kiều-Từ Hải và một câu Thúy Kiều-Thúc Sinh.

Khi vào vai Thúy Kiều và Kim Trọng, nội dung các câu hát thường nhắc đến các đoạn Kim Kiều gặp gỡ lần đầu trong tiết thanh minh, Kim-Kiều trong đêm trăng uống rượu ở vườn Thúy, Kim-Kiều biệt ly khi gia biến. Trong tiết mục hát chào mừng, thăm hỏi của đôi bên đối đáp, thường hay có kiểu ví von:

*Bây giờ tôi mới gặp mình
Khác gì Kim Trọng, thanh minh gặp Kiều
Tiện đây tôi hỏi một điều
Đài gương soi đến dấu bèo cho nhau*
(Nguyễn, 2001a)

Hay khi chàng trai mở lời chào hỏi:

*Hò ở ... Cuộc đời này khi đen khi đỏ
Hai đứa ta còn nhỏ thương nhiều
Vừa gặp em là anh muốn như
Hò ở ... Anh muốn như anh Kim Trọng thương chị Thúy Kiều
thưở xưa*
(N. Nguyễn, 2015)

Thì bên cô gái cũng sẵn có ngay lời đáp:

*Hò ở... Nghe giọng chàng Kim, em cũng muốn như chị Thúy Kiều
Nhưng hò ở ... Thuyền đà có bến, biết sao chịu dạ anh*
(N. Nguyễn, 2015)

Đôi khi tích “Tần Tấn” “Hán Hồ”, “Châu Trần” trong văn học, lịch sử Trung Quốc cũng được sử dụng chung với đôi nhân vật Thúy Kiều-Kim Trọng trong khúc hát chào mời mở đầu cuộc đối đáp:

*Con rồng nằm biển thạch
Con cá tròng Đông Ngô
Đã bấy lâu nay Hồn mới gặp Hồ
Tỷ như Kim Trọng gặp cô Thúy Kiều
Dù xanh cho tới vông điều
Tình anh với bậu mỹ miều ái ân*
(Ca dao mẹ, n.d.)

Sau khi kết thúc phần chào hỏi, giới thiệu lý lịch bản thân, hai bên trai gái cùng nhau thống nhất thể lệ và điều kiện của cuộc hát. Khi đã nắm được luật lệ, họ bắt đầu vào những chặng tiếp theo, từ làm quen, sơ giao đến vào vai những cặp tình nhân đã yêu nhau tha thiết, trao gởi tâm tình và hẹn ước hay buồn bã khi phải chia xa. Lúc này các diễn biến trong những câu thơ có Kiều và Kim Trọng liên tục được nhắc đến.

Có không ít lời tỏ lộ tâm tình rất chủ động, bắt đầu từ phía nữ trong các nhóm hát:

*Sông Tiền con cá lội xoè vi,
Chị Thuý Kiều sâu anh Kim Trọng tí như em sâu chàng*

(La, 2019)

*Sông Tiền cá lội giao đuôi,
Kiều thương Kim Trọng giả như tui thương mình*

(Nguyễn, 1928)

Hay vì nỗi e ngại sợ nhìn làm tiểu nhân ra quân tử nên thẳng thắn bày tỏ nỗi niềm nghi ngại trong lòng mình:

*Thân em mỏng mảnh, quê cảnh lạ lòng,
Thuyền duyên mong sánh anh hùng,
Bớ anh ôi, lại e như nàng Kiều nọ, bạn cùng Thúc Sinh*

(Đặng, 1928)

Để trấn an đối phương và để thể hiện mình cũng rành rỏi Truyện Kiều, nắm rõ đặc trưng tính cách của từng nhân vật trong Kiều, đáp lại nỗi lo của bên gái sợ mình rơi vào cảnh bé mọn như Kiều với Thúc Sinh, chàng trai đã tự nhận mình là người tình chung Kim Trọng và cũng nhắc luôn đến Sở Khanh. Cách trả lời này cho thấy bên trai vừa thể hiện được sự am hiểu của mình với *Truyện Kiều*, vừa đáp lại đúng nội dung câu đối của bên gái:

*Cái lòng của qua chắc thật, không phải bạc phong lưu,
Dốc cho tròn chữ hảo cừ¹,
Bớ nàng ơi, tở như chàng Kim Trọng, không phải đồ Sở Khanh.*

(Đặng, 1928)

Sau lời ước hỏi, chào mừng, cuộc hát đã chuyển sang chặng giao duyên, xe kết, lúc này nam nữ coi như đã đồng lòng vào vai đôi tình nhân mới, nội dung cuộc hát

¹ Bạn tốt

chuyển sang lời yêu thương, nhưng nhớ, hẹn hò kết nối của cặp đôi, giọng điệu câu hát mang sắc thái vui tươi, hạnh phúc:

*Bây giờ gặp gỡ nhau đây,
Mà lòng đã chắc những ngày một hai
Khăng khăng cửa đóng then cài
Nhị đào chờ đợi con người tình chung*

(Wikiquote, n.d.)

*Hai ta quyết chí hai ta,
Đá vàng cũng quyết phong ba cũng liều
Tóc tơ căn vặn hết điều,
Ngày sau hẹn gặp, Kim - Kiều kết giao*

(Wikiquote, n.d.)

Sau cuộc gặp gỡ và trao duyên, cuộc hát chuyển sang chặng hẹn ước, trao tặng kỷ vật và chia xa, lúc này điền Kim Trọng về quê chịu tang chú và Thúy Kiều gặp gia biến phải bán mình được khéo léo lồng ghép vào trong các câu hát đối đáp.

Ban đầu là lời thôn thức của phía nữ khi phải chia xa người tình chung đang lúc vừa vào cuộc yêu ước hẹn mặn nồng, lúc này kỷ vật của Kim Trọng trao cho Thúy Kiều lúc chia tay về Liêu Dương cũng được bên đối nhắc lại:

*Chiếc xuyên vàng đưa người bạn ngọc
Khăn vương hồng xếp lại trao tay
Phận Kiều sống đọa thác đày
Chón Liêu Dương hỏi chàng Kim Trọng
có thấu nỗi này cho không?*

(T. Nguyễn, 2015)

*Trọng gặp Kiều còn trao Kim Xuyên
Anh gặp em rồi trao miếng khăn vương
Chờ khi thương nhớ nước mắt tuôn lấy ra đừng chùi*

(N. Nguyễn, 2015)

Trong câu hát của bên nữ dù không nhắc đến lý do của sự xa cách, dẫn đến tình cảnh “sống đọa thác đày” của Thúy Kiều nhưng có nhắc đến địa danh Liêu Dương là quê nhà của Kim Trọng thì bên nam cũng phải nương theo tình tiết đó để đáp lại cho phù hợp với vẻ đối của bên nữ và cũng để tỏ rõ mình thuộc lòng các chi tiết của *Truyện Kiều*:

*Đất Liêu Dương anh về tang chú
Mối tình chung lận đận lao đao
Kiều ơi dù sóng gió ba đào
Cũng giữ lời thề non hẹn biển chó lúc nào lãng quên*

(T. Nguyễn, 2015)

Đáp lại lời phân trần vì gia cảnh tang chay mà phải đành chịu chia xa của Kim Trọng, bên nữ tiếp tục mượn tâm trạng của nàng Kiều ở chốn khuê phòng khi xa cách tình lang để bày tỏ nỗi niềm thương nhớ của mình:

*Huệ tàn vì bởi mắt sương,
Em xanh xao vì bởi nhớ thương nghĩa chàng
Hai đứa mình dứt điệu đá vàng
Cũng như Kim Trọng xa nàng Kiều thôi*

(La, 2020)

Phía nam cũng thay lời Kim Trọng bày tỏ nỗi niềm đau khổ vì chia xa và mong ngóng ngày tương phùng với hồng nhan tri kỷ:

*Nhơn phán nhọn hà lí cội đồng²
Cang thường ly biệt, đạo vợ chồng còn thương
Trọng xa Kiều quay lại cố hương,
Tì tui xa người nghĩa vọng bốn phương loan phòng
Đêm khuya nước mắt rờn rờn,
Khăng khăng hai chữ tương phùng còn xa*

(Đặng, 1928)

Đôi khi trong câu hát vừa sử dụng chất liệu trong văn học vừa kết nối với hiện tại bằng những địa danh có thực:

*Đường Sài Gòn tron như mỡ.
Cát núi Sập lạnh như gương
Dang tay đưa bạn lên đường
Gá duyên để đó,
Khác chi Kim Trọng về để lại khúc đoạn trường cho Kiều nhi*

² Người phán người thì không có lý nào lại đúng.

*Ta với mình giờ kẻ ở người đi
Cũng như Kim Trọng biệt ly Thúy Kiều
(Ca dao mẹ, n.d.)*

Cũng như “Hán-Hồ” hay “Tần-Tấn”, “Tê-Sở”, thì trong câu hát trên, hai địa danh Sài Gòn và Núi Sập (một ngọn núi lớn ở Châu Đốc thuộc tỉnh An Giang) cũng được dùng để chỉ sự cách xa về địa lý của lứa đôi.

Và bên nam nói lời chia xa bằng cách dùng các biểu tượng quen thuộc của ca dao như cặp biểu tượng có nguồn gốc từ thiên nhiên như bướm hoa và các cặp biểu tượng có trong văn chương Việt Nam và Trung Quốc như Thúy Kiều-Kim Trọng, Bá Nha-Tử Kỳ:

*Anh xa em như bướm xa hoa,
Như Thúy Kiều xa Kim Trọng, Bá Nha xa Tử Kỳ
Lòng dặt lòng ai đỡ đờng xiêu
Vị như Kim Trọng Thúy Kiều thuở xưa
(La, 2020)*

Câu 3 và 4 trong lời hát đối phía trên nhắc ta nhớ đến chi tiết Kim Trọng và Thúy Kiều chia tay trước ngày chàng về Liêu Dương, chàng Kim đã gửi lời nhắn nhủ lại nàng Kiều rằng: “Gìn vàng giữ ngọc cho hay/ Cho đành lòng kẻ chân mây cuối trời” (Truyện Kiều).

Và đáp lại lời chia tay của bên trai là nỗi niềm thôn thức của bên gái:

*Sen xa hồ sen khô tàn tạ
Lựu xa bồn, lựu ngã cành nghiêng
Anh xa em như bến xa thuyền
Như Thúy Kiều xa Kim Trọng mười lăm niên đoạn trường
(Nguyễn, 2001b)*

Cứ thế hai bên nối tiếp nhau những câu hát trao đổi tình cảm càng lúc càng mượt mà và nồng nàn sâu đậm khi càng về cuối chặng hát giao duyên. Cặp đôi nhân vật tài tử giai nhân Kim-Kiều luôn luôn xuất hiện trong những lời giao duyên trao tình vừa chia xa vừa hẹn ước vừa nhớ mong vừa tuyệt vọng của họ.

Lúc thì nữ hát:

Sông Vàm Cỏ³ lười bỏ trôi xuôi,

³ Sông Vàm Cỏ là một dòng sông ở Nam Bộ, thuộc hệ thống sông Đồng Nai.

Thúy Kiều xa Kim Trọng như tôi xa mình.
(Wikiquote, n.d.)

Lúc thì nam hát:

Hai đũa mình dứt điệu can thường
Giả như Kim Trọng dứt tình thương Thúy Kiều.
(Nguyễn, 1928)

Hai ta như Kim Trọng-Thúy Kiều
Đã lắm lúc đắng, còn nhiều lúc cay
(Nguyễn, 2001a)

Nội dung cuộc hát có khi đẩy đến là lời oán trách của chàng Kim sau khi từ Liêu Dương quay về mới nhận ra Kiều đã phụ tình mình, không còn chờ đợi mình nơi vườn Thúy như lời hẹn ước nữa mà đã theo chồng về Lâm Tri:

Chiều chiều ra đứng ngõ sau
Thấy cây lan huệ ruột đau từng hồi
Bởi vì chút nghĩa ai ơi
Ôm cây lan huệ mà ngòi sầu tu
Bạn hẹn cùng ta ngôn tận lý từ
Hồi tiền duyên không gặp nay chừ gặp chi!
Buông lời ta hỏi Kiều nhi,
Bạc tình Kim Trọng làm chi hỡi nàng?
(Đặng, 1928)

Lời trách móc hờn oán bên gái phụ tình đôi khi được bên trai đẩy lên đến đỉnh điểm:

Anh với em như nút với khuy,
Như Kiều với Trọng một ly không rời
Anh than với bạn hết lời,
Sao ham nơi giàu có mà rẽ rời đôi ta
(Nguyễn, 1928)

Làm chi lãng lúu hỡi Ba!
Bậu tham đồng bạc trắng, bậu bán hoa cho Chà
(Đặng, 1928)

Trong câu hát này người đọc dễ dàng nhận thấy tính địa phương Nam Bộ đậm đặc trong cách sử dụng từ ngữ của các bên tham gia hát đối, “Ba” (tức cô Ba, em Ba) là cách gọi tên người rất quen thuộc của nhân dân miền Nam, tức là gọi tên theo thứ tự sinh ra trong mỗi gia đình. “Bậu” trong em bậu, qua với bậu là cách xưng hô quen thuộc của người Nam Bộ trong đời sống thường ngày. Bậu thường dùng để chỉ cô gái và qua là cách xưng hô của chàng trai trong tương quan với cô gái hay trong tương quan của người đàn ông lớn tuổi xưng hô với người kém tuổi hơn mình (bất kể gái hay trai). “Đồng bạc trắng” được nhắc đến ở đây là đồng bạc hoa xòe được dùng phổ biến ở miền Nam giai đoạn Pháp đang đô hộ miền Nam nước ta. “Chà” theo giải thích của nhiều nhà nghiên cứu thì đó là cách gọi chệch đi của người Nam Bộ khi gọi người Ấn Độ (từ chữ *Java*).

Trong câu hát phía trên của bên nam, chúng ta chưa thấy có nhắc đến tình tiết nội dung gì của *Truyện Kiều* nhưng đến câu hát đáp của bên nữ, để giải thích cho sự phụ bạc của mình, để đáp lại lời oán trách của chàng trai, cô gái đã nhắc đến một tình tiết quan trọng trong *Truyện Kiều* để làm chất liệu cho nội dung câu hát của mình:

*Em liều hoa nợ nhúng bùn,
Bớ anh ôi, kiếm tiền em bồi đắp, cho cụm thung⁴ vững bền.*

(Đặng, 1928)

Đó chính là chi tiết “hoa nợ nhúng bùn” nhắc đến tích Kiều phải bán mình để “kiếm tiền em bồi đắp” chuộc cha (cụm thung). Biểu tượng hoa trong câu ca dao trên được dùng với nghĩa biểu trưng chung như cách Nguyễn Du dùng biểu tượng hoa lặp đi lặp lại gần 50 lần trong toàn bộ *Truyện Kiều* để chỉ các nhân vật nữ của ông. Chữ bùn trong câu ca dao trên gọi nhắc đến những đọa đày, tủ nhục mà Thúy Kiều đã trải qua trong những tháng ngày vào ra lầu xanh của nàng, như trong một câu Kiều:

*Tiếc thay nước đã đánh phèn,
Mà cho bùn lại vấy lên mấy lần.*

(Nguyễn, 1999)

2.3. Dùng các tình tiết trong *Kiều* để đặt câu hỏi, thử kiến thức và thử tài ứng đối của nhau

Đây là phần hấp dẫn nhất, thú vị nhất và được dân gian sử dụng nhiều nhất trong các cuộc hát đối có thi thố tài năng văn chương và thường là có giải thưởng ở cuối mỗi cuộc hát giành cho nhóm hát hay nhất, trả lời được nhiều câu hỏi do đối phương đặt ra nhất. Trong chuyên luận *Các dạng thức đối thoại trong hát đối đáp nam nữ Việt Nam*, Nguyễn Thị Ngọc Diệp đã xếp hình thức hát này vào dạng thức hát thử tài bao gồm có hát đối, hát đối và hát họa (T. Nguyễn, 2015). Phần này cũng là phần chúng tôi sưu tập được nhiều nhất (tầm 50 câu) trong số những câu hát đối đáp có sử dụng *Truyện Kiều*

⁴ Cha mẹ.

làm chất liệu. Tuy nhiên trong khuôn khổ một bài viết ngắn, chúng tôi chỉ chọn giới thiệu những cặp câu hỏi đáp ngắn gọn, không giới thiệu ở đây những bài lục bát có độ dài từ 10 đến 30 câu gần như kể lại đầu đuôi những chi tiết chính trong Kiều.

Ở những lễ hội truyền thống của dân gian, cuộc hát đối đáp chính là phần hội được mong chờ nhất, không chỉ là riêng đối với nam nữ đang tuổi cặp kê muốn thông qua cuộc hát này mà làm quen và tìm kiếm người đối ngẫu phù hợp mà còn được toàn thể nhân dân mong chờ và nhập cuộc trong vai trò khán giả. Dân gian vừa là đối tượng chính của cuộc thi hát, vừa là người đứng xem, nghe, thỉnh thoảng họ còn vào vai người nhắc tuồng khi thấy bên trai hoặc bên gái bị bắt bí mà loay hoay mãi chưa tìm ra câu trả lời. Đồng thời trong cuộc hát, phần hỏi đáp thi tài này cũng là phần hấp dẫn nhất, sinh động nhất và cũng gay cấn nhất, quyết liệt nhất. Trong công trình *Hát đối ca của nam nữ thanh niên Việt Nam*, nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Huyền đã nhấn mạnh vai trò qua trọng của phần thi tài này, theo ông đây là lúc để các bên đánh giá tài năng của nhau và cũng là lúc trai gái “ghi điểm” với nhau thông qua cách mình đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi của đối phương:

Thêm vào sức quyến rũ của giọng còn phải có sức mạnh của ứng tác chứng tỏ ở anh ta một trình độ tri thức và một cảm hứng thơ ca hơn đối phương. Anh ta luôn vấp phải những câu hỏi, câu đố, câu đối mà người cùng hát đặt ra. Phải trả lời tất cả các câu đố bằng thơ, từng câu một. Công chúng đang ở đây theo dõi và không bỏ sót chi tiết nào. Cần phải to rõ chẳng những tài văn chương của mình mà còn phải cho thấy rằng mình có thị hiếu. Người con trai phải biết đánh giá nhan sắc một phụ nữ. Cô gái phải ca ngợi phẩm chất người đàn ông bằng những từ thích hợp (Nguyễn, 1995).

Chất liệu *Truyện Kiều* được sử dụng trong phần hát thi tài này, thường là ở dạng thức hỏi-trả lời những tình tiết về nội dung hay kê tên nhân vật trong truyện:

Khi nữ hỏi:

*Truyện Kiều anh đọc đã nhiều,
Đó anh kể được câu Kiều năm “cho”*

(Phạm, 2007)

Nam trả lời bằng chính những câu lục bát trong *Truyện Kiều*, giữ nguyên văn không được thay đổi, thêm bớt:

*Làm cho cho mệt cho mê,
Làm cho đau đớn ê chề cho coi*

(Nguyễn, 1999)

Hay có khi là

Đã cho lầy chữ hồng nhan,

Làm cho cho hại cho tàn cho cân

(Nguyễn, 1999)

Bên nữ tiếp tục hỏi trong phần kiểm tra kiến thức:

*Truyện Kiều anh đã thuộc lâu,
Đó anh kể được một câu 5 “còn”?*

(Phạm, 2007)

Bên nam ngay lập tức trả lời:

*Còn non còn nước còn dài,
Còn về còn nhớ đến người hôm nay*

(Nguyễn, 1999)

Cứ liên tiếp như vậy giữa người hỏi và người trả lời trong phần kiểm tra kiến thức:

*Truyện Kiều anh đã thuộc lâu,
Đó anh kể được một câu năm “này”⁵*

(Wikiquote, n.d.)

*Này chồng này mẹ này cha,
Này là em ruột này là em dâu*

*Truyện Kiều anh đã thuộc lòng,
Đó anh kể được một dòng chữ Nho*

(Nguyễn, 1999)

*Hồ công quyết kế thừa cơ,
Lễ tiên binh hậu khắc cờ tập công*

(Wikiquote, n.d.)

*Truyện Kiều em đã kể lâu
Đó em kể được một câu ba càng*

⁵ Người hỏi cũng có thể dùng 2 câu hỏi khác cho phần trả lời này là (1) “Nghe đồn anh thuộc Kiều lâu/ Xin anh kể được một câu năm người?”; (2) “Truyện Kiều anh đã thuộc lòng/ Đó anh kể được một dòng chữ Nôm?”

*Kể sao cho được rõ ràng
Mảnh hương với lại phím đàn trao tay
(Nguyễn, 1999)*

*Lạ gì đôi lứa chúng ta
Anh đó em giảng mới là mưu sâu
“Rút trâm sẵn giắt mái đầu
Vạch da cây vịnh bốn câu ba vắn
Lại càng mê mẩn tâm thân
Lại càng đứng lặng tàn ngần chẳng ra
Lại càng ủ dột nét hoa
Sầu tuôn đứt nối châu sa ngắn dài”
(Ca dao mẹ, n.d.)*

Sau dạng thức đặt câu hỏi và trả lời nhằm thử mức độ thuộc lòng *Truyện Kiều* của đôi bên, nam nữ hát thi tài chuyển sang phần hỏi-đáp, giải thích, giải nghĩa những tình tiết trong nội dung *Truyện Kiều*, lúc này người đáp không cần phải dẫn nguyên văn các câu thơ trong *Truyện Kiều* mà có thể biến hóa, cắt ghép thành một câu đáp phù hợp với lời đối của bên kia:

Nữ đối:

*Truyện Kiều anh giảng đã tài
Đó anh giảng được câu này anh ơi
“Biết thân đến chón lạc loài
Nhị đào thà bẻ cho người tình chung”
(Ca dao mẹ, n.d.)*

Nam đáp:

*Tình chung nào phải ai xa
Chính chàng Kim Trọng vào ra sớm chiều
(Ca dao mẹ, n.d.)*

Nữ:

*Truyện Kiều anh học đã lâu
Đó anh kể được một câu hết Kiều?
(Wikiquote, n.d.)*

Bên nam đáp lại một cách khôn khéo là ghép câu đầu vào câu cuối của Truyện Kiều thành một cặp lục bát vừa hợp vần vừa hợp ý:

*Trăm năm trong cõi người ta
Mua vui cũng được một vài trống canh*
(Wikiquote, n.d.)

Câu đáp “trăm năm” ở trên cũng từng được dùng để trả lời cho một câu hỏi khác:

Nữ hò:

*O hò... Đồn rằng anh đọc Truyện Kiều
Câu nào nói đến những điều trăm năm?*
(T. Nguyễn, 2015)

Nam hò đáp lại

*O hò... Trăm năm trong cõi người ta
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau
Người đâu gặp gỡ làm chi
Trăm năm biết có duyên gì hay không...*
(T. Nguyễn, 2015)

Đó:

*Ai mà quyết chí tung hoành
Ai mà bán mình chuộc tội cho cha
Ai mà bán nguyệt buôn hoa
Buôn đi bán lại đã ba bốn lần?*
(Wikiquote, n.d.)

Đáp:

*Từ Hải quyết chí tung hoành
Thúy Kiều bán mình chuộc tội cho cha
Tú bà bán nguyệt buôn hoa
Buôn đi bán lại đã ba bốn lần?*
(Wikiquote, n.d.)

Cứ như thế, nam nữ có thể cùng nhau hỏi-đáp, đố-đáp đến hết tất cả các tình tiết trong *Truyện Kiều* tùy vào khả năng dẫn dắt và kết nối của đôi bên và tùy vào thời gian kéo dài cho phép của cuộc hát. Trong dạng thức đối đáp này, có những câu hỏi và đáp rất dài, có khi lên đến 30 câu ca dao, chứng tỏ khả năng đặt lời ứng tác vừa nhanh nhạy vừa tài tình của nhân dân, vừa chứng tỏ niềm yêu thích say mê của cả người hát lẫn người nghe đối với *Truyện Kiều* của Nguyễn Du.

3. KẾT LUẬN

Nhìn chung, đã có nhiều bài nghiên cứu khẳng định sức sống mãnh liệt của *Truyện Kiều* trong lòng dân gian, bài viết của chúng tôi chỉ góp thêm vào việc chỉ ra mối liên hệ khăng khít giữa *Truyện Kiều* và hát đối đáp trong ca dao Việt Nam. Trên đây chúng tôi chỉ giới thiệu hai dạng thức đối đáp tiêu biểu là hỏi và trả lời nguyên văn câu Kiều cùng dạng thức hỏi kiểm tra kiến thức tổng quát để một bên trả lời bằng cách cắt ghép, thêm thắt vào những câu Kiều cho sẵn. Bên cạnh đó chúng tôi cũng khẳng định thêm một lần nữa về vai trò của *Truyện Kiều* như là một nguồn chất liệu không thể thiếu trong quá trình tạo nên diễn biến cuộc hát. Nam nữ hát đối có thể đóng vai các nhân vật trong *Truyện Kiều* hay sử dụng các tình tiết chủ đạo trong *Truyện Kiều* để giải bày tình cảm với nhau. Qua đó, có thể thấy tâm thức dân gian dành cho *Truyện Kiều* một mặt là lo lắng thái quá, một mặt là yêu thích thái quá. Xưa cha ông dạy con cháu đã từng căn dặn trai gái trong nhà nên tránh xa các truyện phong tình và không nên học theo gương xấu quá coi trọng ái tình như các nhân vật chính trong đó, kiều như:

Đàn ông chó kẻ Phan Trần

Đàn bà chó kẻ Thúy Vân, Thúy Kiều

(Nguyễn, 2001a)

Và ngược lại cũng là chính dân gian khẳng định niềm yêu thích và sức sống bền vững của *Truyện Kiều* ngang với sức sống của nhân dân và đất nước:

Hàng trăm năm nữa về sau

Còn người dân Việt, còn câu Truyện Kiều

(La, 2020)

LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu được tài trợ bởi Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM) trong khuôn khổ đề tài mã số C2019-18b-10.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Ca dao mẹ. (n.d). <https://cadao.me>

Đặng, L. N. (1928). *Câu hát huê tình*. NXB Phạm Văn Thành.

- La, M. T. G. (Chủ biên). (2019). *Văn học dân gian Tiền Giang* (Tập 2). NXB Tổng Hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
- La, M. T. G. (Chủ biên). (2020). *Văn học dân gian Đồng Tháp*. NXB Tổng Hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyễn, C. C. (1928). *Câu hò xay lúa*. Nhà in Xưa Nay.
- Nguyễn, D. (1999). *Truyện Kiều* (K. Nguyễn & T. K. Trần, hiệu khảo). NXB Văn học.
- Nguyễn, N. Q. (Chủ biên). (2015). *Văn học dân gian Bến Tre* (Tập 2). NXB Khoa học Xã hội.
- Nguyễn, T. N. Đ. (2015). *Các dạng thức đối thoại trong hát đối đáp nam nữ Việt Nam*. NXB Văn học.
- Nguyễn, V. H. (1995). *Góp phần nghiên cứu văn hóa Việt Nam* (Tập 1). NXB Khoa học Xã hội.
- Nguyễn, X. K. (Chủ biên). (2001a). *Kho tàng ca dao người Việt* (Tập 1). NXB Văn hóa Thông tin.
- Nguyễn, X. K. (Chủ biên). (2001b). *Kho tàng ca dao người Việt* (Tập 1). NXB Văn hóa Thông tin.
- Phạm, Đ. Q. (2007). *Đố kiêu, nét đẹp văn hóa*. NXB Văn hóa Sài Gòn.
- Wikiquote. (n.d). <https://vi.wikiquote.org>